TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/ DS-ST
Ngày 21/12/2018
V/v: "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán sơ cấp - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Ngữ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn và Ông Dương Minh Thiết.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện LG tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 21/12/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số 104/2018/TLST-DS ngày 04/10/2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194a/2018/QĐXXST-DS ngày 07/11/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 186A/2018/QĐST-DS, giữa:

+ **Nguyên đơn**: Ông Trần Văn S, sinh năm 1963.(có mặt).

Trú tại: Thôn 2, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

+ Bị đơn: 1.Anh Thân Văn H, sinh năm 1970. (vắng mặt)

2.Chị Phan Thị Ng, sinh năm 1976. (có mặt)

Trú tại: Thôn 3, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

+ **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**: Bà Trần Thị L, sinh năm 1967; trú tại: Thôn 2, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

****** Tại đơn khởi kiện,bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn ông Trần văn S, người có quyền lợi liên quan đứng về phía nguyên đơn là bà Trần Thị L trình bày:*

Do mối quan hệ hàng xóm với nhau nên vào ngày 23/6/2017 vợ chồng ông bà có cho vợ chồng anh Thân Văn H, chị Phan Thị Ng vay số tiền 395.000.000đ, khi vay hai bên có viết "giấy biên nhận vay tiền", thỏa thuận lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày kể từ ngày vay.

Vợ chồng anh H, chị Ng có thế chấp cho vợ chồng ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BI 999719 tại tờ bản đồ số 3, Thôn 3, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang mang tên Thân Văn H và Phan Thị Ng. Anh H, chị Ng cam kết nếu không trả được số tiền vay thì sẽ chuyển nhượng diện tích đất ở trên cho vợ chồng ông S.

Đã qua thời hạn thanh toán nợ, mặc dù vợ chồng ông đã đến gia đình vợ chồng anh H đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh H không trả số tiền đã vay, cũng không thực chuyển nhượng quyền sử dụng đất như đã thỏa thuận.

Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh H và chị Ng phải thanh toán trả số tiền nợ gốc vay là 395.000.000đ và lãi suất tạm tính đến ngày 28/9/2018 là 90.000.000đ;

Tại phiên tòa ông bà xác nhận và đồng ý trừ số tiền vợ chồng anh H, chị Ng đã trả được 40.000.000đ tiền lãi.

+ Tại bản tự khai ngày 04/10/2018, bị đơn chị Phan Thị Ng trình bày:

Mối quan hệ giữa vợ chồng anh với vợ chồng ông S, bà L là hàng xóm với nhau, ngày 23/6/2016 vợ chồng chị có vay của vợ chồng ông S, bà L số tiền là 395.000.000 đồng. Khi vay có viết giấy vay tiền, thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày vay, lãi suất vay là 2%/tháng. Từ khi vay vợ chồng chị đã trả lãi đầy đủ như thỏa thuận, đến khoảng 6 tháng trở lại đây do kinh tế khó khăn nên chưa trả được lãi. Ông S đề yêu cầu vợ chồng chị trả 395.000.000đ tiền gốc vay và lãi suất theo thỏa thuận, chị đồng ý trả tiền gốc và xin không phải trả lãi nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin được trả dần.

Tại phiên tòa chị Ng xác nhận vợ chồng chị còn nợ 395.000.000đ tiền gốc, nếu ông S không cho chị xin tiền lãi thì chị đề nghị trừ số tiền 40.000.000đ đã trả vào tiền lãi.

Anh Thân Văn H có hộ khẩu thường trú, đang sinh sống và làm việc tại Thôn 3, xã HL. Chị Phan Thị Ng là vợ nhận thay các văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết giao lại cho anh H, đồng thời Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh H không đến Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cho Tòa án. Anh H vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/11/2018 và phiên tòa hôm nay không có L do.

+ Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về thời hạn tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Xác định tư cách tham gia tố tụng trong vụ án đúng quy định. Tuy nhiên, ngày 07/11/2018 Thẩm phán ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử ấn định xét xử ngày 23/11/2018 nhưng không gửi Quyết định và hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia phiên toà theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BLTTDS.

- HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật; thành phần HĐXX không có sự thay đổi với quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Người tham gia tố tụng:

+ Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật;

+ Bị đơn (chị Ng): Cơ bản chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, tuy nhiên còn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; phiên đối chất ngày 07/11/2018, phiên toà ngày 23/11/2018; Anh H không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS như không có lời khai, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; phiên đối chất ngày 07/11/2018; tại phiên toà ngày 23/11/2018 và ngày 21/12/2018.

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Đề nghị HĐXX:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự 2015;

Buộc vợ chồng Thân Văn H, chị Phan Thị Ng có trách nhiệm thanh toán trả ông Trần Văn S số tiền 395.000.000đ tiền gốc và 37.775.500đ tiền lãi tính đến hết ngày 21/12/2018.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị xử L về án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự đang cư trú tại huyện LG, vì vậy Tòa án nhân dân huyện LG thụ L giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật qui định tại các Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa ông S, bà L với anh H, chị Ng là quan hệ vay tài sản giữa cá nhân với cá nhân. Do vậy Tòa án nhân dân huyện LG thụ L vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H vắng mặt tại phiên tòa ngày 23/11/2018 và phiên tòa ngày 21/12/2018 không có L do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố Tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh H

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1.].Về số tiền vay:

Căn cứ vào "Giấy biên nhận vay tiền" do nguyên đơn cung cấp thì vợ chồng ông Trần Văn S, bà Trần Thị L có cho vợ chồng anh Thân Văn H, chị Phan

Thị Ng vay số tiền là 395.000.000đ vào ngày 23/6/2017 hẹn đến 23/12/2018 sẽ thanh toán hết cả tiền gốc và tiền lãi như thỏa thuận. Bị đơn là chị Ng đã thừa nhận có vay số tiền như trên nhưng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị vẫn chưa trả được. Do đó yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc vay của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi suất vay:

Trong giấy vay tiền ghi lãi suất vay là 2%/tháng (24%/năm), vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX chỉ chấp nhận mức lãi suất 20%/năm, buộc vợ chồng anh H, chị Ng phải trả tiền lãi từ ngày 23/6/2017 đến hết ngày 23/12/2017 (06 tháng) theo mức lãi suất là 20%/năm = (395.000.000 x 20%/ năm x 6 tháng) = 39.500.000đ.

Do các đương sự không thỏa thuận lãi suất chậm trả, tại phiên tòa bị đơn xin không phải trả lãi, nguyên đơn không đồng ý và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 357, HĐXX buộc anh H, chị Ng phải chịu lãi suất chậm trả từ ngày 24/12/2017 đến hết ngày 21/12/2018 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự (10%/năm). (395.000.000 x 10%/năm x 11 tháng 27 ngày) = 39.170.000đ.

Tổng tiền lãi anh H, chị Ng phải trả là 78.670.000đ. bị đơn đã trả được 40.000.000đ tiền lãi, như vậy số tiền lãi bị đơn phải trả tính đến ngày 21/12/2018 là 38.670.000đ.

[2.2] Về việc thế chấp giấy chứng nhận QSDĐ:

Trong giấy biên nhận vay tiền và lời khai của các đương sự có thể hiện việc anh Thân Văn H và chị Phan Thị Ng có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số đất BI 999719 tại tờ bản đồ số 3, Thôn 3, xã HL, huyện LG, tỉnh Bắc Giang mang tên Thân Văn H và Phan Thị Ng. Tuy nhiên, các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết về hợp đồng thế chấp nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của ông S được chấp nhận nên ông S, bà L không phải chịu án phí.

- Hộ gia đình anh Thân Văn H và chị Phan Thị Ng thuộc diện cận nghèo nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án thì anh H, chị Ng không phải chịu án phí DSST.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Điều luật áp dụng:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, 35, 39,147, 227, 271,273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[2]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc vợ chồng anh Thân Văn H, chị Phan Thị Ng phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông Trần Văn S, bà Trần Thị L số tiền nợ gốc vay là 395.000.000đồng và 38.670.000đồng tiền lãi tính đến hết ngày 21/12/2018.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng anh Thân Văn H, chị Phan Thị Ng.

Hoàn trả lại cho ông S số tiền 12.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ở biên lai thu số AA/2018/0006771 ngày 04/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. Quyền kháng cáo:

Báo cho đương sự có mặt biết có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án vắng mặt hoặc được niêm yết công khai.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LG;
- THADS huyện LG;
- Các đương sự.
- Lưu

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Ngữ